TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 317/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 8 - 2026
V/v *tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Bé;

2. Ông Võ Thanh Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Xuân Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân* Khu vực 11 - An Giang *tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 557/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2026, về tranh chấp *"ly hôn, nuôi con chung"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 340/2026/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp Đ, xã C, tỉnh An Giang; (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị G, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp Đ, xã C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên ông Nguyễn Văn A trình bày: Ông và bà Lê Thị G tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh An Giang, (nay là xã C, tỉnh An Giang). Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2018 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cự cải. Mặc dù đã cố hàn gắn tình cảm hôn nhân nhiều lần nhưng không thành. do

không hợp nhau trong ứng xử, bà G không chăm lo về kinh tế và công việc trong gia đình. Vợ chồng không còn sống chung vào năm 2018 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị G.

- *Về quan hệ con chung*: Có 03 con chung:

1/ Nguyễn Lê Hoàng Yến X, sinh ngày 28/3/2007 (đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết);

2/ Nguyễn Lê Hoàng Bảo C, sinh ngày 04/3/2009, hiện đang sống chung với ông A. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con chung.

3/ Nguyễn Lê Hoàng Bảo N, sinh ngày 12/10/2017, hiện đang sống chung với bà G. Sau khi ly hôn, ông đồng ý để bà G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Ông A và bà G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Bà Lê Thị G đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà G không gửi văn bản trình bày ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn A.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn A được ly hôn với bà Lê Thị G.
- *Về quan hệ con chung*: Không có.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Ông A trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị G đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng hôm nay, bà G vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét

xử tiến hành xét xử vắng mặt bà G là có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn A khởi kiện vụ án tranh chấp về ly hôn với bà Lê Thị G. Bà G có nơi cư trú trên địa bàn xã C, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên Tòa án nhân dân Khu vực 11, tỉnh An Giang; thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị G xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau vào năm 2006; ông, bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo ông A trình bày mâu thuẫn phát sinh từ việc vợ chồng không tôn trọng nhau, tính tình không hợp, trong thời gian chung sống thường xảy ra bất hòa, cả hai đã cố gắng tìm cách hàn gắn vẫn không thể nào chung sống với nhau và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Nguyễn Văn A xin ly hôn, do cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung đến nay là một khoảng thời gian dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Văn A.

- *Về quan hệ con chung*: Có 03 con chung:

1/ Nguyễn Lê Hoàng Yến X, sinh ngày 28/3/2007 (đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết);

2/ Nguyễn Lê Hoàng Bảo C, sinh ngày 04/3/2009, hiện đang sống chung với ông A. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con chung.

3/ Nguyễn Lê Hoàng Bảo N, sinh ngày 12/10/2017, hiện đang sống chung với bà G. Sau khi ly hôn, ông đồng ý để bà G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi ông A và bà G không còn sống chung trong khoảng thời gian dài; thì ông A và bà G vẫn đảm bảo về điều kiện chăm sóc tốt cho 02 con chung tên Nguyễn Lê Hoàng Bảo C và Nguyễn Lê Hoàng Bảo N. Ngoài ra, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ngày 15/7/2026 Tòa án ghi nhận ý kiến đối với cháu Nguyễn Lê Hoàng Bảo C; thì cháu Bảo C có ý kiến sau khi ông A và bà G ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ăn ở sinh hoạt và học tập cùng với ông A; Ghi nhận sự tự nguyện của ông A đồng ý để bà G được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Lê Hoàng Bảo N.

Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho 02 con chung, giúp cháu Bảo C và Bảo N phát triển tốt về thể chất, tinh thần.

Căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử giao cháu Bảo C cho ông A được trực tiếp trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật. Bà G được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Lê Hoàng Bảo N về cấp dưỡng nuôi con chung do ông A, bà G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị G không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông, bà có quyền tới lui trông nôm và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông A, bà G thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Ông Nguyễn Văn A khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về quan hệ nợ chung*: Ghi nhận ông A trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông A và bà G trong thời kỳ hôn nhân thì ông A và bà G vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A.

2) *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn A được ly hôn với bà Lê Thị G.

3) *Về quan hệ con chung*: Ông A được trực tiếp trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Lê Hoàng Bảo C, sinh ngày 04/3/2009. Bà G được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Lê Hoàng Bảo N, sinh ngày 12/10/2017 về cấp dưỡng nuôi con chung do ông A, bà G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị G không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông, bà có quyền tới lui trông nôm và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông A, bà G thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

4) *Về quan hệ tài sản chung*: Ông Nguyễn Văn A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5) *Về quan hệ nợ chung*: Ghi nhận ông A trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông A và bà G trong thời kỳ hôn nhân thì ông A và bà G vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6) *Về án phí*: Ông Nguyễn Văn A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số: 0003616 ngày 24/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông Nguyễn Văn A đã nộp đủ.

Ông Nguyễn Văn A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và bà Lê Thị G được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 11 ;
- Phòng THADS Khu vực 11 ;
- UBND xã Cù Lao Giêng, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Thanh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Giang, ngày 27 tháng 8 năm 2026

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về vụ án: Tranh chấp "*ly hôn, nuôi con chung*" giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp Đ, xã C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị G, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp Đ, xã C, tỉnh An Giang.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông/bà…….

2. Ông/bà…….

NỘI DUNG

Sau khi thảo luận, biểu quyết Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 tất cả các nội dung sau:

Căn cứ vào:

- Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A.

2) *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn A được ly hôn với bà Lê Thị G.

3) *Về quan hệ con chung*: Ông A được trực tiếp trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Lê Hoàng Bảo C, sinh ngày 04/3/2009. Bà G được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Lê Hoàng Bảo N, sinh ngày

12/10/2017 về cấp dưỡng nuôi con chung do ông A, bà G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị G không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông, bà có quyền tới lui trông nôm và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông A, bà G thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

4) *Về quan hệ tài sản chung*: Ông Nguyễn Văn A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5) *Về quan hệ nợ chung*: Ghi nhận ông A trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông A và bà G trong thời kỳ hôn nhân thì ông A và bà G vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6) *Về án phí*: Ông Nguyễn Văn A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số: 0003616 ngày 24/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông Nguyễn Văn A đã nộp đủ.

Ông Nguyễn Văn A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và bà Lê Thị G được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Trần Quang T